

Góp phần tìm hiểu về gia tộc chúa Trịnh Kiểm qua tấm bia “Đại Vương tảo miếu ký” và một số tư liệu hữu quan

Nguyễn Thanh Hoà*, Mai Phương Ngọc**

Tóm tắt: Nhân vật Trịnh Kiểm (1503-1570) cùng các thành viên trong gia tộc ông vẫn còn là một khoảng trống đáng kể trong nghiên cứu lịch sử, với nhiều điểm chưa thống nhất giữa các công trình hiện hữu. Hệ thống bia ký thời Lê Trung Hưng ở xứ Thanh, đặc biệt là tấm bia Đại Vương tảo miếu ký, là nguồn tư liệu có giá trị sử liệu cao, góp phần quan trọng trong việc bổ khuyết những thiếu vắng đó. Dựa trên khảo cứu nội dung bia Đại Vương tảo miếu ký, kết hợp đối chiếu với một số tư liệu liên quan, bài viết góp phần xác lập rõ hơn tư liệu về một số thành viên trong gia đình chúa Trịnh Kiểm; đồng thời đính chính một số nhầm lẫn của Lê Quý Đôn về các nhân vật lịch sử và dòng họ Lê Công - gia tộc công thần “bình Ngô”¹ xuất thân từ “hương Lam Sơn” (Thanh Hóa) trong thế kỷ XV-XVI, từng được ông đề cập trong Đại Việt thông sử.

Từ khóa: Trịnh Kiểm; Đại Vương tảo; Lê Trung Hưng; Thuận Minh; Lê Công.

Ngày nhận 16/9/2024; ngày chỉnh sửa 23/12/2024; ngày chấp nhận đăng 30/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2025.11.3.2>

1. Đặt vấn đề

Trịnh Kiểm là một nhân vật có ảnh hưởng lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam thế kỷ XVI, giữ vai trò trọng yếu trong công

cuộc trung hưng nhà Lê và đặt nền móng cho sự hình thành thế lực chính trị họ Trịnh tồn tại hơn hai thế kỷ ở Đàng Ngoài. Tuy nhiên, cho đến nay, những nghiên cứu liên quan đến gia tộc chúa Trịnh Kiểm vẫn còn tồn tại nhiều khoảng trống, phần lớn do sự thiếu hụt và phân tán của nguồn sử liệu. Trước thực trạng đó, việc khai thác các tư liệu địa phương - đặc biệt là hệ thống văn bia - để bổ sung và đối chiếu với chính sử là hướng tiếp cận cần thiết nhằm làm sáng tỏ các yếu tố nhân vật và sự kiện liên quan. Xuất phát từ yêu cầu này, bài viết tiến hành khảo cứu nội dung tấm bia Đại Vương tảo miếu ký (soạn khắc dưới thời Lê Trung Hưng, phát hiện tại vùng An Lạc, huyện Thụy Nguyên - nay thuộc xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa), kết hợp với một số tư liệu liên quan, nhằm góp phần bổ khuyết thông tin về gia tộc chúa Trịnh Kiểm, bao gồm Đại Vương tảo (vợ chúa Trịnh Kiểm), ba người

* Trường Đại học Hoa Lư.

** Trường Đại học Vinh; email: ngocmp@vinhuni.edu.vn

¹ “Bình Ngô” được hiểu là đánh đuổi giặc Ngô (giặc Minh) giành lại nền độc lập dân tộc dưới ngọn cờ Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Thái Tổ (Lê Lợi) lãnh đạo giai đoạn từ 1418-1427. Trong các văn bản đương thời, như: *Lam Sơn thực lục*, *Bình Ngô đại cáo*, v.v. giặc Minh còn được gọi là giặc Ngô. Thác bản tấm bia Đại Vương tảo miếu ký hiện được lưu ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng bản toàn văn chữ Hán, phiên âm và dịch nghĩa được in trong sách *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa, tập III* (Văn bia thời Lê Trung Hưng, quyển hai) của các tác giả Nguyễn Kim Mãng, Nguyễn Văn Hải (hiệu đính: Đinh Khắc Thuân, Phạm Văn Tuấn) Nhà xuất bản Thanh Hóa xuất bản năm 2020, từ trang 132 đến trang 147. Do đó trong các phần chữ Hán và phiên âm, một số nội dung có ký tự móc vuông [], nghĩa là phần chữ bị khuyết, song phần dịch nghĩa không thể hiện là bởi các tác giả trung thành với bản toàn văn đã nêu.

con trai, con gái của bà, cũng như gia tộc sinh ra Đại Vương tần.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về bia Lê Trung Hưng ở Thanh Hóa và sự khác biệt của tấm bia Đại vương tần miếu ký

Bia đá là một loại hình nghệ thuật chạm khắc đặc biệt, không chỉ là “vật thiêng” tại các cơ sở thờ tự, mà còn là phương tiện góp phần lưu giữ, biểu đạt sự đa dạng của thông tin thông qua hệ thống văn tự, các biểu tượng về hình khối cùng những họa tiết, hoa văn độc đáo. Trong giai đoạn Lê Trung Hưng, xứ Thanh cũng sở hữu một hệ thống bia ký với số lượng lớn, có phong cách, nội dung biểu đạt phong phú đa dạng. Thống kê cho thấy “tổng số bia ký tỉnh Thanh Hóa sưu tập được đến nay là 915 đơn vị văn bia,... số bia ký thời Lê Trung Hưng thống kê được khoảng 140 đơn vị văn bản” (Đình Khắc Thuân và cộng sự 2016: 26). Công trình Tuyển tập văn bia Thanh Hóa Tập 3 - Văn bia thời Lê Trung Hưng gồm: *Quyển một*, xuất bản năm 2016 và *Quyển hai*, xuất bản năm 2020 đã giới thiệu sơ bộ về 90 bia ký các loại thuộc giai đoạn Lê Trung Hưng tại xứ Thanh. Số bia ký nêu trên có thác bản được lưu trữ tại nhiều cơ quan nghiên cứu, đặc biệt là ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Sở dĩ lựa chọn bia *Đại Vương tần miếu ký* để đi sâu tìm hiểu, chúng tôi xuất phát từ những lí do chủ yếu sau: Thứ nhất, về niên đại, *Đại Vương tần miếu ký* là tấm bia duy nhất từ nửa cuối thế kỷ XVI sang đầu thế kỷ XVII cho đến nay được phát hiện thuộc thể loại bia đền miếu được lập trên đất xứ Thanh. Thứ hai, trong hệ thống bia ký giai đoạn Lê Trung Hưng phản ánh về “kỷ nguyên vua Lê chúa Trịnh”, *Đại Vương tần miếu ký* nằm trong số ít những bia còn sót lại trên vùng đất xứ Thanh mà nội dung đề cập

đến những thành viên thuộc gia tộc chúa Trịnh, trực tiếp là chúa Trịnh Kiểm. Vì nhiều nguyên nhân, xứ Thanh là đất “căn bản” giúp họ Trịnh xây dựng cơ nghiệp, tuy nhiên trong hệ thống bia ký giai đoạn Lê Trung Hưng ở Thanh Hóa liên quan đến dòng họ Trịnh và các đời chúa Trịnh thì loại bia ký này gần như vắng bóng. Thứ ba, chúng tôi nhận thấy đây là tấm bia mà nội dung có giá trị cao về tư liệu, sử liệu, góp phần bổ khuyết cho chính sử hoặc đính chính những thông tin chưa chính xác. Với ý nghĩa đó, việc khảo cứu, tìm hiểu nội dung bia *Đại vương tần miếu ký* là việc làm thiết thực và ý nghĩa.

2.2. Về lịch sử và đặc điểm của bia

Đại Vương tần miếu ký (大王嬪廟記) là bài ký đề trên bia tại miếu thờ vợ của Đại Vương (tức là vợ Minh Khang Thái Vương Trịnh Kiểm). Bia được lập dưới niên hiệu Hoàng Định thứ 17 (năm 1616) đời vua Lê Kính Tông. Thác bản bia hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu No.1894. Căn cứ phần còn lại của tấm bia đang được bảo quản tại trụ sở Đảng ủy, Mặt trận tổ quốc xã Thọ Lập (xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân cũ), tỉnh Thanh Hóa. Có thể thấy *Đại Vương tần miếu ký* là tấm bia loại lớn. Về kích cỡ, bia có chiều rộng 108cm, chiều cao 187cm, độ dày 30cm. Toàn bộ nội dung văn bia gồm tổng cộng có 29 dòng chữ Hán, ước khoảng 1100 chữ, gồm cả những chữ đã bị mờ, không rõ nét. Trán bia thiết kế hình bán nguyệt với bố cục đặc trưng chủ đạo là hình ảnh “Lưỡng long triều nhật”. Đôi rồng được khắc chạm tinh tế uyển chuyển; họa tiết mặt trời được thiết kế từ ba đường tròn đồng tâm đăng đối. Bao quanh hình ảnh mặt trời là mười đao mác lửa chia đều cho hai bên, xen kẽ là tám hạt tròn giống như những vì tinh tú đang dịch chuyển. Phía dưới trán bia khắc 5 chữ Hán cỡ lớn với nội dung “大王嬪廟記” (*Đại*

Vương tần miếu ký), đầu, cuối của dòng Hán tự được khắc họa hình ảnh đôi chim Phượng Hoàng linh thiêng cao quý trong xã hội xưa. Hình tượng hoa văn đặc trưng sử dụng trang trí nơi diềm bia tính từ đỉnh bia là hình ảnh mười cặp rồng leo cách điệu tinh tế uyển chuyển hội tụ nơi các vầng mây, sắp xếp theo một trật tự thống nhất, một biểu tượng truyền thống cho thứ quyền lực tối thượng thuộc về cung vua phủ chúa; diềm chân của bia, phía trên phần gắn vào phần đế bia được cách điệu từ chín lớp hoa văn hình sóng nước hài hòa cân đối.

So sánh với phong cách một số bia ký được tạo tác những năm cuối thế kỷ XVI trên địa bàn xứ Thanh như: *Vĩnh Phúc tự bi, tín thí* -永福寺碑信施 thuộc niên hiệu Quang Hưng 6 (1583), *Phúc Hạ tự bi* - 福賀寺碑 thuộc niên hiệu Quang Hưng 10 (1587), *Diễn Thụy lăng bi* -衍瑞陵碑 thuộc niên hiệu Quang Hưng 21 (1598) hoặc một số bia ký đầu thế kỷ XVII như *Phàm công đức bi* - 凡功德碑 niên hiệu Hoằng Định 9 (1608), *Phúc Khê tướng công từ* - 福溪相公祠 niên hiệu Hoằng Định 17 (1616), v.v. tấm bia *Đại Vương tần miếu ký* mang đặc điểm nổi bật của thể loại bia cung đình, khác biệt so với nhiều thể loại bia chùa, đình, đền, miếu, điện cùng thời điểm chịu sự chi phối bởi yếu tố dân gian hóa rõ nét.

Đại Vương tần miếu ký không thuộc hệ thống bia mộ hoặc thần đạo, bia được dựng tại miếu thờ và không đề cập danh tính người soạn, nội dung không đề cập danh tính (tên húy) nhân vật chính được khắc vào bia. Người soạn chỉ sử dụng thụy hiệu hoặc phẩm hàm được phong để diễn đạt danh phận của Đại Vương tần khi bà còn sống hoặc phẩm hàm truy tặng khi bà đã mất. Tuy nhiên, từ lời xưng hô tôn kính được đề cập trong bài văn bia "*Hiển tử tôn mẫu* 顯妣尊母" tức "người mẹ tôn kính đã qua đời" hoặc "*Vương mẫu hiển tử* 王母顯妣", chúng ta có thể đoán định rằng: Một trong những

người con của bà, bằng tấm lòng vô cùng thương xót, đã soạn bia về thân mẫu khi bà mất. Điều này cũng phù hợp với sự kính trọng của những người con và sự kiêng kỵ đề cập đến tên húy dành cho người đã khuất, đặc biệt đó lại là nhân vật có nguồn gốc xuất thân từ hoàng tộc, cung vua phủ chúa.

Về địa điểm dựng bia: Tài liệu "*Xã chí tổng Quảng An, phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa*" (ký hiệu AJ15/3, lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm) cho biết "ở xứ Đồn Lạc (tức đồn An Lạc) có một bia hai mặt là bia 大王嬪廟記年号弘定十七年 (*Đại Vương tần miếu ký, niên hiệu Hoằng Định thứ 17*) (Viện Nghiên cứu Hán Nôm 1942: 281). Thông tin này đã khẳng định khu vực đồn An Lạc là địa điểm dựng tấm bia, cũng là nơi được chọn để lập ngôi miếu thờ phụng Đại Vương tần, người con gái của gia tộc bình Ngô khai quốc họ Lê Công. Sau những biến thiên của lịch sử, dấu tích về ngôi miếu cổ thờ Đại Vương tần - vợ chúa Trịnh Kiểm trên đất An Lạc đã dần biến mất, tấm bia theo đó cũng bị lãng quên theo năm tháng, vùi chôn nơi lòng đất hàng thế kỷ. Thời gian gần đây, chính quyền và người dân địa phương đã phát hiện ra tấm bia cổ tại khu vực Vườn Quan, làng Yên Lược và tổ chức di dời về trụ sở Đảng ủy, Mặt trận tổ quốc xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa.

2.3. Giá trị sử liệu nổi bật của tấm bia

2.3.1. Nhân vật Đại Vương tần và những người con của chúa Trịnh Kiểm

Các nguồn sử liệu liên quan đến chúa Trịnh Kiểm, trực tiếp là các bộ phả ký dòng họ Trịnh như *Kim giáp tập sao* trong Trịnh tộc thế phả (鄭族世譜, VHv.1756) của Trịnh Sán, *Trịnh gia phả ký* (鄭家譜記, A.2492.) của Trịnh Văn Chu, *Trịnh Gia Chính phả* (鄭家正譜) của Trịnh Như Tấu, v.v. đều không đề cập danh tính của Đại Vương tần, người vợ chính thức của chúa Trịnh Kiểm.

Trong *Lịch triều hiến chương loại chí (quyển XXI, Lễ Nghi chí)*, chép về những nhân vật được phối thờ cùng chúa Trịnh Kiểm trong nhà Kim thất, tác giả Phan Huy Chú (2007) cũng chỉ nêu danh tính ba bà phi là Thái phi, Chính phi và Hiền phi, cụ thể như sau:

“Thái phi thụy Từ Nghị (họ Nguyễn, người Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, con gái thứ của Chiêu Huân tể công, húy là Ngọc Bảo, kỵ ngày 17 tháng 8). Chính phi, thụy Từ Thúc (họ Lại húy Ngọc Trán, người làng Phúc Long, huyện Thanh (Thạch) Hà, kỵ ngày 20 tháng 8). Hiền phi, thụy Từ Hạnh (họ Trương, húy là Ngọc Lãnh, người làng Thọ Liêu, huyện Thạch Thành, kỵ ngày 13 tháng 8)” (Phan Huy Chú 2007: 757). Hoàng Xuân Hãn (1966) trong bài viết “Gốc tích các chúa Trịnh và một bức thư Nôm của Trịnh Kiểm” đăng trên Tập san *Sử - Địa* số 4 có đề cập đến người vợ “nguyên phối” (vợ chính thức đầu tiên) của Trịnh Kiểm vào thời điểm ông “phiêu cư ở làng Bồ Xuyên tại huyện Yên Mô (thuộc Ninh Bình ngày nay); ở trọ được kẻ nhà giàu. Đến năm hăm bốn tuổi (1526) thì cưới vợ - có kẻ nói là họ Trần, tên Ngọc Lãnh,... rồi lưu ở đó. Sau không biết tìm tích bà ra sao” (Hoàng Xuân Hãn 1966: 10). Các tài liệu trên, dù chính sử hay tư sử đều chưa từng đề cập đến danh phận Đại Vương tần, người vợ chính thức của chúa Trịnh Kiểm. Mặt khác, về thân thế một số thành viên gia tộc chúa Trịnh Kiểm, trong đó có các con của ông, nhiều tài liệu ghi chép còn thiếu thống nhất hoặc chưa đầy đủ. Đại Vương tần miếu ký là nguồn tư liệu gốc, có độ tin cậy cao về phương diện sử liệu đã góp phần bổ khuyết một phần điều này.

Đề cập đến danh tính, quê hương bản quán của Đại Vương tần, bia *Đại Vương tần miếu*

ký ghi rõ: “恭惟: 顯妣尊母贈昭容黎氏, 貫紹天府, 瑞源縣, 生于安樂之鄉。厥先世家顯; phiên âm: “Cung duy: Hiền tỷ tôn mẫu tặng Chiêu Dung Lê thị, quán Thiệu Thiên phủ, Thụy Nguyên huyện, sinh vu An Lạc chi hương, tiến thế gia hiển”; dịch nghĩa: “Cung kính thay: Hiền tỷ tôn mẫu, tặng là Chiêu Dung, họ Lê, quê ở huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên, sinh ra ở làng An Lạc, gia tiên nhiều đời vinh hiển” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020: 132-142). Làng An Lạc nay là làng Yên Lược xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay, tại làng An Lạc cũng còn tấm bia *Phàm công đức bi* soạn khắc năm Hoàng Định thứ 9 (1608), trong đó có đề cập đến công đức của bà Thái Vương tần, vợ chúa Trịnh Kiểm, đoạn chép về xuất thân của bà như sau: “太王嬪紹天, 瑞源, 安樂, 華宗也。閨間之教, 得之禮訓。少艾入侍上, 相太國公追宗明康仁智, 武貞雄略, 顯德豐功, 啟業宏規, 濟世澤民”; phiên âm: “Thái Vương tần Thiệu Thiên, Thụy Nguyên, An Lạc hoa tông dã. Khuê khỏn chi giáo, đắc chi lễ huấn. Thiếu ngãi nhập thị thượng tướng, Thái Quốc công truy tôn minh khang nhân trí, Vũ trung hùng lược, Hiền đức phong công, Khải nghiệp hoàng quy, Tế thế trạch dân”; dịch nghĩa: “Thái Vương tần thuộc tông phái rực rỡ ở xã An Lạc, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên. Bà được giáo dục chốn khuê phòng, được dạy bảo về lễ giáo tốt đẹp. Bà được vào hầu Thượng tướng Thái quốc công, được truy tôn là Minh khang nhân trí, Vũ trung hùng lược, Hiền đức phong công, Khải nghiệp hoàng quy, Tế thế trạch dân” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020: 121-128). Những ghi chép trên cho thấy ngoài danh xưng Đại Vương tần, vợ của chúa Trịnh Kiểm tại xã An Lạc huyện Thụy Nguyên cũng được gọi là Thái Vương tần.

Hình 1: Thác bản bia Đại Vương tảo miếu ký ở xã An Lạc, huyện Thụy Nguyên (nay là làng Yên Lược, xã Thọ Lập, tỉnh Thanh Hóa)



(Nguồn: Viện Nghiên cứu Hán Nôm)²

Về mối nhân duyên giữa Đại Vương tảo và chúa Trịnh Kiểm, *Đại Vương tảo miếu ký* chép: “乃生顯她尊母, 貞靜有賢德,

莊一酬徹音[]配于顯考明康仁智武貞雄略顯德豐功; phiên âm: “Nãi sinh hiên tử tôn mẫu, trịnh tĩnh hữu hiên đức, trang nhân thủ triệt âm [], phối vu Hiên khảo Minh Khang nhân trí. Võ trịnh hùng lược, hiên đức phong công”; dịch nghĩa: “Sinh được hiên tử tôn mẫu trịnh tĩnh lại

² Số hoá bởi Dự án Vietnamica (<https://carto.vietnamica.online/WebVanBia/Location/Pictures/01501-02000/01894.jpg>).

hiền đức, đoan trang dịu dàng nhỏ nhẹ, kết duyên cùng Hiền khảo Minh Khang nhân trí, võ trình hùng lược” (Nguyễn Kim Măng và cộng sự 2020: 133-143). Về thời điểm kết hôn, *Đại Vương tảo miếu ký* không nêu cụ thể, song có thể đoán định thời điểm kết hôn giữa Đại Vương tảo và chúa Trịnh Kiểm thông qua chi tiết chúa “外從考王于哀牢國 (...), 思以撫養將士, 安樂人民, 光大國家及還山川舊境。顯考謀興復帝室, 提軍轉職, 遂北所向克捷 [贊] 盡於中。顯妣尊母亦預多其力焉有動於國, 集慶於家, 篤生賢嗣; phiên âm: “Ngoại tông khảo vương vu Ai Lao quốc (...), tư dĩ phủ dưỡng tướng sĩ, an lạc nhân dân, quang đại quốc gia cập hoàn sơn xuyên cự cảnh. Hiền khảo mưu hưng phục đế vương, đề quân chuyển chức, tọa bĩ sở hướng khắc tiếp [tán] tận ư trung, Hiền tỷ tôn mẫu diệc dự đa kỳ lực yên hữu lạc ư quốc, tập khánh ư gia, đốc sinh hiền tự”; dịch nghĩa: “Bên ngoài thì theo vua cha đi tới tận Ai Lao (...), lo lắng việc chăm bẵm tướng sĩ, nhân dân được yên vui, quốc gia được rực rỡ, non sông được thu về. Hiền khảo muốn phục hưng đế thất, cất quân xông trận bèn chuyển hướng thắng giặc giềng gần nơi phương Bắc, Hiền tỷ tôn mẫu cũng đóng góp công sức vào trong đó” (Nguyễn Kim Măng và cộng sự 2020: 133-143)). Chi tiết Trịnh Kiểm “theo vua cha đi tới tận Ai Lao”, lập nhiều công trạng như nội dung bia đề cập là giai đoạn lực lượng phò Lê đang đóng trên đất Sầm Châu (1533-1545). Đây cũng là thời điểm quân nhà Lê bắt đầu tổ chức những cuộc phản công mạnh mẽ vào lực lượng nhà Mạc trên vùng đất Thanh - Nghệ nhằm giành lại đất “thang mộc”, xây dựng điểm tựa cho ngọn cờ phò Lê. Như vậy sự kiện Trịnh Kiểm kết hôn với Đại Vương tảo diễn ra trước năm Bính Ngọ (1546) - thời điểm hành điện nhà Lê được chuyển từ Sầm Châu về sách Vạn Lại (thuộc xã Thọ Lập ngày nay). Sau khi kết hôn cùng Trịnh Kiểm, bà được “*tiến vị là phủ Tảo, trợ giúp*

việc nội trị, chăm sóc tảo tảo, ban khuyên vàng, trâm bạc” (Nguyễn Kim Măng và cộng sự 2020: 143). Tẩm bia *Phàm công đức bi* cũng chép: “太王嬪御于內備專靜純一之德, 謹朝夕奉侍之儀”; phiên âm: “Thái Vương tảo ngự vu nội bị chuyên tĩnh thuần nhất chi đức, cẩn chiêu tịch phụng thị chi nghi”; dịch nghĩa: “Thái Vương tảo hầu ở bên trong chuyên tâm tu dưỡng đạo đức, thuần hậu trình bạch, thận trọng sớm hôm, phụng thờ chồng theo đúng phép tắc” (Nguyễn Kim Măng và cộng sự 2020: 121-128).

Về gia thế của Đại Vương tảo, nội dung bia *Đại Vương tảo miếu ký* cho biết: Bà xuất thân trong một gia tộc nhiều đời vinh hiển đất An Lạc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên, vốn là vùng đất thuộc không gian của Lam Sơn hương và Tây Kinh dưới thời Lê sơ. Tổ 5 đời của bà là “高高祖考推德 [] [] 功臣, 總管府都總管, 閱丙侯, 賜國姓黎來, 謚善齋府君”; phiên âm: “Cao cao tổ khảo suy đức [] [] công thần, Tổng quản phủ Đô tổng quản, duyệt Bính hầu, tứ quốc tính Lê Lai, thụy Thiện Trai phủ quân; dịch nghĩa: “Cao cao tổ khảo, suy đức tán trị công thần, Tổng quản phủ Đô tổng quản, duyệt Bính hầu, ban tặng quốc tính Lê Lai, thụy là Thiện trai phủ quân” (Nguyễn Kim Măng và cộng sự 2020: 132-142). Tổ 4 đời là “顯高祖考平原州知州黎 [] 謚 [] 溪府君”; phiên âm: “Hiển cao tổ Bình Nguyên châu tri châu, Lê [] thụy [] Khê phủ quân”; dịch nghĩa: “Hiển Cao tổ tri châu Bình Nguyên họ Lê tên thụy là [] phủ quân” (Nguyễn Kim Măng và cộng sự 2020: 132-142). Ông nội Đại Vương tảo (hiển tăng tổ khảo - tổ đời thứ ba) là Lê Công Thứ. Dưới triều đại Lê sơ, Lê Công Thứ từng đảm nhận chức vụ “武動將軍, 安廣處都總兵使司都總兵使”; phiên âm: “Vũ huân tướng quân, Yên Quảng xứ, Đô Tổng binh sứ ti Đô tổng binh sứ”; dịch nghĩa: “Vũ huân tướng quân, Đô tổng binh sứ ty Đô

tổng binh xứ Yên Quảng” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020:132-142).

Thân phụ (hiên tổ khảo) của Đại Vương tần - “nhạc phụ” của Trịnh Kiểm là Lê Công Từ. Dưới triều Lê Trang Tông, Lê Công Từ là “明義功臣, 特進輔國上將軍, 錦衣衛, 都指揮使司都指揮使, 安川侯, 贈信郡公; phiên âm: “Minh nghĩa công thần, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Cẩm Y vệ, Đô chỉ huy sứ ti, Đô chỉ huy sứ, An Xuyên hầu, tặng Tín quận công” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020: 132-142). Lê Công Từ là một trong những người tham gia ngọn cờ phù Lê từ rất sớm. Ông cùng đông đảo hậu duệ các gia tộc của xứ Thanh từng được Lê Thái Tổ ban “tứ quốc tính” đã sang Ai Lao xây dựng căn cứ Sầm Châu, phò tá vua Lê Trang Tông chống lại nhà Mạc. Sách *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn chép về Lê Công Từ như sau: “Tín Quận công Lê Công Từ thờ vua Lê Trang Tông và Thế tổ Thái Vương, nhiều lần lập công, đều làm đến chức Thái Bảo, phong là tuyên lực công thần” (Lê Quý Đôn 2007: 202).

Như vậy, Đại Vương tần - con gái của Lê Công Từ và gia tộc Lê Công đất An Lạc, huyện Thụy Nguyên là một trong những người vợ chính danh của Minh Khang Thái Vương Trịnh Kiểm. Bà được phong tặng danh phận “Chiêu dung” - một tước vị xếp bậc thuộc hàng thứ hai trong chín bậc của “Cửu tần”, với thụy hiệu là “Từ Huệ”. Danh phận của bà ngoại trừ tám bia *Đại Vương tần miếu ký* đến nay vẫn chưa có một nguồn sử liệu hoặc phả ký nào đề cập. Đại Vương tần đã giúp Minh Khang Thái Vương chăm lo việc nội trị chôn hậu cung để ông chuyên tâm sự nghiệp phục hưng nhà Lê. Mặt khác, sợi dây kết nối thông gia với gia tộc xuất thân “nhiều đời vinh hiển” trên đất “quý hương” nhà Lê còn là biện pháp góp phần giúp Trịnh Kiểm từng bước củng cố vững chắc quyền uy, nâng cao vị thế của mình

trước những đối thủ chính trị tiềm ẩn của ông thời điểm bấy giờ.

Về những người con của Trịnh Kiểm với Đại Vương tần, nội dung bia *Đại Vương tần miếu ký* đề cập đến ba người, cụ thể như sau:

Người con trưởng của Đại Vương tần với chúa Trịnh Kiểm, văn bia chép: “長男 翊運同德宣力輔國功臣, 中軍都督府左都督, 掌府事太尉, 奉國公鄭 [], 材兼文武, 出將入相. 勳勞 [] 王家, 擔當國事. 掌 [] [] 政, 統同六軍. 上為德, 下為民, 內謀國, 外謀敵克復宗社, 收”; phiên âm: “Trưởng nam Dực vận đồng đức, Tuyên lực Phụ quốc công thần, Trung quân đô đốc phủ, Tả Đô đốc, Chương phủ sự Thái úy Phụng Quốc công Trịnh [], tài vô văn võ, xuất tướng nhập tướng, huân lao [] vương gia, đảm đương quốc sự, chương [] [] chính thống đồng lục quân, thượng vi đức, hạ vi dân, nội mưu quốc, ngoại mưu địch, khắc phục tông xã, khôi phục kinh thành”; dịch nghĩa: “Trưởng nam là Dực vận đồng đức tuyên lực phụ quốc công thần, Trung quân đô đốc phủ, Tả đô đốc, Chương phủ sự, Thái úy Phụng Quốc công Trịnh [...], văn võ kiêm tài, vào tướng văn, ra tướng võ, có nhiều công lao với nhà vua, đảm đương việc nước, tham dự triều chính, thống lĩnh cùng 6 quân, trên vì điều đức, dưới vì dân, trong mưu việc nước, ngoài lo đối phó với giặc, khôi phục tôn xã, thu phục kinh thành” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020: 133-143). Danh tính người con trưởng của Đại Vương tần và Trịnh Kiểm tên húy khắc trên bia bị mòn, mờ. Tuy nhiên qua nội dung khắc trên bia cho thấy ông là nhân vật lớn có sức ảnh hưởng trong triều đình Lê - Trịnh. Vào thời điểm lập bia, trưởng nam của Đại Vương tần đứng đầu hàng võ quan cấp hàm “Thái úy” với tước hiệu “Phụng Quốc công”, một tước vị rất cao, chỉ sau tước Vương. Trước đó, một số nhân vật lập được nhiều công lao trong sự nghiệp trung hưng nhà Lê cũng từng được

gia phong đến tước vị “Quốc công”, tiêu biểu là “Hoàng Đình Ái làm hữu tướng thái úy, Vinh quốc công; Nguyễn Hữu Liêu làm thái úy, Dương quốc công” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007: 200).

Từ tước vị “Thái úy Phụng Quốc công”, đối sánh và khảo cứu qua *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Việt Thông sử* cho thấy giai đoạn này, trong chính quyền Lê - Trịnh nhân vật nắm giữ tước hiệu “Thái úy Phụng Quốc công” chính là Trịnh Đổ. Chi tiết này được *Đại Việt sử ký toàn thư* đề cập qua các ghi chép như sau: “Tân Dậu, [Vĩnh Tộ] năm thứ ba [1621],... Thái úy Phụng Quốc công Trịnh Đổ và thống lĩnh Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân do đường Thái Nguyên đi mặt sau tới đóng ở Cao Bằng” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê 1998: 324-325), hoặc “Bảy giờ Bình An Vương xiêu bạt ra xứ Quán Bạt, xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, sai Bùi Sĩ Lâm hộ vệ vào dinh của em ruột là Phụng Quốc công Trịnh Đổ” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê 2004: 229). *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn cũng đề cập đến hai sự kiện trên với nội dung tương tự: “Năm Tân Dậu, Vĩnh Tộ thứ 3 (1621),... đánh bắt dư đảng ở Hữu Lũng, Vũ Nhai. Đến lúc này chia làm hai đường, thống lĩnh Thái phó Thanh quận công do đường Lạng Sơn, Thống lĩnh Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân, Thái tể Phụng Quốc công Trịnh Đổ do đường Thái Nguyên” (Lê Quý Đôn 2007: 476); hoặc sau sự kiện Trịnh Xuân làm loạn “Vương sai người đưa mình tới doanh trại của em là Phụng Quốc công Trịnh Đổ” (Lê Quý Đôn 2007: 477-478). Thông tin từ *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Đại Việt thông sử* bổ khuyết cho nội dung của tám bia *Đại Vương tần miếu ký*, đồng thời góp phần khẳng định nhân vật “Thái úy Phụng Quốc công” tức Trịnh Đổ là trưởng nam (tức là con trai đầu) của Đại Vương tần họ Lê đất An Lạc. Mặt khác, tuy Trịnh Đổ là

trưởng nam của Đại Vương tần, song địa vị của ông trong gia đình xét theo thứ bậc vẫn là thứ nam của chúa Trịnh Kiểm, vì rằng bên trên Trịnh Đổ là hai người anh trai cùng cha khác mẹ của ông tức là Trịnh Cối và Trịnh Tùng được hai bà Phi (“Phi” là tước hiệu nội cung cao hơn tước hiệu “Chiêu dung” được ban cho Đại Vương tần) của Trịnh Kiểm sinh ra.

Về người con trai thứ của Đại Vương tần với Trịnh Kiểm, bi ký chép: “次男前翊運同德宣力輔國功臣, 北軍都督府左都督, 掌府事, 太傅, 奇郡公, 贈大司徒奇國公鄭 [], 沈勇有謀, 馭軍明贊 (...), 楊天理於混一之日戰 [] 攻取援城略郡 [] 功大矣”; phiên âm “Thứ nam Tiên dực vận đồng đức, Tuyên lực phụ quốc công thần, Bắc quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc, Chương phủ sự, Thái phó Cơ quận công, Tặng Đại tư đồ Cơ Quốc công Trịnh [], trăm dũng hữu mưu, ngự quân minh tán (...), dương thiên linh ư hỗn nhất chi nhật chiến, [] công thủ thành, lược quận, [] công đại hĩ”; dịch nghĩa: “Con trai thứ là Tiên dực vận Đồng đức, Tuyên lực phụ quốc công thần, Bắc quân đô đốc phủ Tả đô đốc, Chương phủ sự, Thái phó Cơ quận công, tặng Đại tư đồ Cơ Quốc công Trịnh [], là bậc vũ dũng mưu lược, dụng quân sáng suốt (...), nêu lễ trời mà dẹp yên hỗn chiến, dễ dàng giành thắng lợi, giặc tán công thì phòng thủ, công thành chiếm quận, công lao thật là to lớn” (Nguyễn Kim Măng và cộng sự 2020: 133-143). Danh tính người con trai thứ hai của Đại Vương tần với chúa Trịnh Kiểm khắc trên bia ký cũng bị mờ không thể nhận dạng nét chữ. Khảo cứu các tài liệu liên quan cho thấy thông tin về danh tính người con trai thứ hai của Đại Vương tần với chúa Trịnh Kiểm cũng rất hạn chế. Nội dung tám bia *Phạm công đức bi* tạo năm Hoàng Định 7 (1606) có đề cập đến ba người con của Đại Vương tần nhưng không nêu danh tính. Về thứ nam của Đại Vương tần, bia

Phàm công đức bi đề cập nội dung như sau: “次則太傅可郡公皆有仁厚之稱”; phiên âm: “Thứ tắc Thái phó Khả quận công, giai hữu nhân hậu chi xưng”; dịch nghĩa: “Con trai thứ là Thái phó Khả quận công, đều là những người nhân hậu” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020: 121-128). Như vậy, nội dung từ bia ký cũng chỉ thể hiện phẩm hàm, tước hiệu được thụ phong hoặc ban tặng. Tuy vậy, những cứ liệu từ *Đại Vương tảo miếu ký* là cơ sở góp phần khẳng định một cách chắc chắn rằng chúa Trịnh Kiểm cùng với Đại Vương tảo có đến hai người con trai, đều là những nhân vật tài năng, có nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp trung hưng nhà Lê, góp phần củng cố vị thế, vai trò và cơ nghiệp của dòng họ Trịnh.

Cùng với hai người con trai, Đại Vương tảo cùng với Trịnh Kiểm sinh được một quận chúa. Bia ký chép: “次女上郡主鄭氏玉瑤 [] 淑則 [] [] 婉儀貴面, 能勤富而能儉門 [] 光彩王籍 [] 芳奕葉累累世有興崇之慶”; phiên âm: “Thứ nữ Thượng Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Dao [] thực tắc [] [] uyển nghi quý diện, năng cần phú nhi năng kiệm môn, [] quang thái vượng tịch [] phương, dịch diệp lũy lũy thế hữu hưng sung chi khánh”, dịch nghĩa: “Con gái thứ Thượng quận chúa Trịnh Thị Ngọc Dao là bậc hiền thực phép tắc, duyên dáng dịu dàng. Cao quý mà vẫn chịu khó, giàu sang mà vẫn tiết kiệm, chăm lo nhà cửa phong quang, gia thất danh thơm, các đời kết nối tôn sùng, phúc lộc truyền ban cơ nghiệp” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020: 134-144). *Kim giám thực lục* (trong *Trịnh tộc thế phả*) chỉ đề cập danh tính hai người con gái của chúa Trịnh Kiểm được các bà phi của ông sinh ra, là “Tiên Thượng công chúa, tên là Trịnh Thị Ngọc Xuân, có tên thụy là Đức Phương, giỗ ngày 28 tháng 2. Quận chúa tên là Trịnh Thị Ngọc Ty. Cả hai bà đều được phối thờ ở cung miếu” (Phạm Đình Hải

2012: 89). Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng chỉ đề cập đến hai người con gái của Trịnh Kiểm được phối thờ cùng Thành Tổ Triết Vương là “Tiên ngọc quận chúa, thụy Đức Phương (tên là Ngọc Xuân), Hoa Dung quận chúa, thụy Từ Duyên (tên là Ngọc Ty)” (Phan Huy Chú 2007: 758). Nhiều khả năng hai vị quận chúa nêu trên đều được bà Ngọc Bảo sinh ra và là em cùng cha, cùng mẹ với Trịnh Tùng nên mới có việc cùng phối thờ như sự chép của *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Kim giám thực lục*. Như vậy, *Đại Vương tảo miếu ký* đã góp phần bổ khuyết vào cây phả hệ gia đình chúa Trịnh Kiểm danh tính về người ái nữ là Trịnh Thị Ngọc Dao - “Thượng Quận chúa” do Đại Vương tảo sinh ra.

Có thể nói, nội dung tám bia *Đại Vương tảo miếu ký* đã chứng thực một cách chắc chắn về thân thế người cung tảo (Đại Vương tảo/Thái Vương tảo) với danh phận “Chiêu dung”, người vợ “chính danh định phận” của chúa Trịnh Kiểm và 03 người con được bà sinh ra, góp phần bổ khuyết hệ thống tư liệu cây phả hệ họ Trịnh trực tiếp là đời chúa Trịnh Kiểm.

2.3.2. Bia Đại vương tảo miếu ký và sự đính chính cho Đại Việt thông sử

Trong *Đại Việt thông sử*, mục “*Liệt truyện đệ tam, tờ (106b) Chư thần truyện*” (Lê Quý Đôn 2007: 2001), trong nội dung ghi chép về Lê Chí, thứ nam của danh tướng Lê Niệm, đời thứ tư của gia tộc Trung túc vương Lê Lai, trong mối liên hệ với gia tộc Lê Công đất An Lạc, trực tiếp là Nhân Lương hầu Lê Công Thái, Thái bảo Lê Công Từ và các đời sau, Lê Quý Đôn chép: Lê Chí có “cháu xa đời là Nhân lương hầu Lê Công Thái, Tín quận công Lê Công Từ thờ vua Trang Tông và Thế tổ Thái Vương, nhiều lần lập công đều làm đến chức Thái bảo, phong là Tuyên lực công thần. Đến các ông Nghĩa Lộc hầu Công Trừng, Hoàng Lễ hầu

Công Giới thờ vua Thần Tông và Văn Tổ Nghị Vương thường đi theo hộ vệ và ra sức đánh dẹp, đều được phong là Dương Vũ (từ 113b) Uy dũng tán trị công thần. Năm Chính Hòa thứ 13 đời vua Hy Tông, vua sai quan lưu thủ là Nguyễn Thời Vân dựa theo nền cũ thôn ấy xây dựng từ đường thờ Trung Túc vương Lê Lai và cấp ruộng tế tự biểu dương công lao xưa. Ngày nay con cháu dòng dõi rất đông” (Lê Quý Đôn 2007: 202). Lê Quý Đôn cho rằng các ông Lê Công Thái, Lê Công Từ, đến các đời tiếp sau là Lê Công Trừng, Lê Công Giới, v.v. đều là cháu xa đời của Lê Chí. Mặt khác, do đời sau của dòng họ Lê Công với các ông Nghĩa Lộc hầu Lê Công Trừng, Hằng Lễ hầu Lê Công Giới thờ vua Lê Thần Tông và Văn Tổ Nghị vương Trịnh Tráng lập được nhiều công lao nên mới có sự kiện “năm Chính Hòa thứ 13 đời vua Hy Tông, vua sai quan lưu thủ là Nguyễn Thời Vân dựa theo nền cũ thôn ấy xây dựng từ đường thờ Trung Túc vương Lê Lai và cấp ruộng tế tự biểu dương công lao xưa. Ngày nay con cháu dòng dõi rất đông” (Lê Quý Đôn 2007: 202).

Đối sánh với nội dung tấm bia *Đại Vương tảo miếu ký*, chúng tôi cho rằng Lê Quý Đôn đã có sự nhầm lẫn giữa hai nhân vật cùng có tên “Lê Lai” và nguồn gốc gia tộc Lê Công, vì rằng các ông đều là công thần bình Ngô khai quốc, đều sinh ra trên vùng đất tả ngạn Lương Giang, thuộc vùng Lam Sơn hương dưới thời Lê Thái Tổ, cụ thể: Người thứ nhất chính là Bính hầu Lê Lai gốc tại làng Nghiêm, xã An Lạc và người thứ hai là Trung Túc vương Lê Lai người làng Tép, đất Ngọc Lặc. Thời Lê sơ cả hai làng đều thuộc không gian của Lam Sơn hương, đất quý hương nhà Lê. Dưới triều Nguyễn, sách Ngọc Lặc thuộc tổng Ngọc Lặc và xã An Lạc thuộc tổng An Trường, đều thuộc đất của huyện Thụy Nguyên có diên cách tiếp giáp nhau. Theo nội dung bia *Đại Vương tảo miếu ký*, Lê

Công Từ chính là hậu duệ, chất đời thứ tư của công thần bình Ngô khai quốc Bính hầu Lê Lai thuộc làng Nghiêm, xã An Lạc, huyện Thụy Nguyên, ông gọi Bính hầu Lê Lai là “Hiển Cao tổ” tức là cụ nội hoặc cố nội. Bô đề của Lê Công Từ là Lê Công Thứ, đời thứ ba (cháu nội) của Bính hầu Lê Lai, cũng là ông nội của Đại Vương tảo (vợ chúa Trịnh Kiểm), ông phục vụ dưới triều đại Lê sơ và đảm nhiệm đến chức vụ “Vũ huân tướng quân, Đô tổng binh sứ ty Đô tổng binh xứ Yên Quảng” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020: 142). Điều này càng thêm khẳng định gia tộc Lê Công với ông tổ là Bính hầu Lê Lai đất An Lạc và gia tộc Trung Túc vương Lê Lai đất Ngọc Lặc là khác nhau. Phẩm hàm, tước vị của bình Ngô khai quốc *Bính hầu Lê Lai* đất An Lạc sau khi khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi được tẩm bia *Đại Vương tảo miếu ký* ghi chép rõ ràng tường tận có nguyên văn như sau: ông là “推德 [] [] 功臣, 總管府都總管, 閩丙侯, 賜國姓黎來, 謚善齋府君”; phiên âm: “Suy đức [] [] công thần, Tổng quản phủ Đô tổng quản, Bính hầu, tứ quốc tính Lê Lai, thụy Thiện Trai phủ quân”; dịch nghĩa: “Suy đức tán trị công thần, Tổng quản phủ Đô tổng quản, duyệt Bính hầu, tặng quốc tính Lê Lai, thụy thiện trai phủ quân” (Nguyễn Kim Mãng và cộng sự 2020: 132-142). Như vậy, các đời sau của dòng họ Lê Công là các ông Lê Công Trừng, Lê Công Giới, v.v. đều là hậu duệ của Thái bảo Lê Công Từ và gọi “Bính hầu Lê Lai” là ông tổ. Do đó, ghi chép của Lê Quý Đôn về gia tộc Lê Công, cũng là dòng họ “Thái Vương tảo” tức vợ chúa Trịnh Kiểm dưới thời vua Lê Hy Tông, thực chất, đề cập đến hậu duệ đời sau của nhân vật Lê Lai đất An Lạc, hoàn toàn không phải là “Trung Túc vương Lê Lai” đất Ngọc Lặc. Các nhân vật Lê Công Từ, Lê Công Thái, Lê Công Giới, Lê Công Trừng, v.v. hoàn toàn không phải là cháu xa đời của Lê Chí (chắt của Trung Túc vương Lê Lai) như Lê Quý Đôn đã viết.

Cũng vì hai ông có trùng họ tên, đều phò tá Lê Thái Tổ lập nhiều chiến công, khai cơ sáng nghiệp thời đại Lê sơ, đều là những người con ưu tú của vùng đất Lam Sơn hương trong chiến cuộc bình Ngô vĩ đại; bản thân Trung Túc vương Lê Lai là nhân vật lớn của lịch sử dân tộc thế kỷ XV nên phần nào khiến cho Lê Quý Đôn có chút nhầm lẫn cũng là điều khó tránh.

3. Một vài nhận xét

Vùng đất Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa là địa phương hiện sở hữu số lượng bia ký giai đoạn Lê Trung Hưng phong phú, đa dạng, có giá trị cao về sử liệu. Qua khảo cứu tấm bia ký *Đại Vương tảo miếu ký* và các nguồn tư liệu có liên quan, chúng tôi đưa ra một số nhận xét bước đầu như sau:

Đại Vương tảo miếu ký là tấm bia quý trên vùng đất xứ Thanh ghi chép về gia đình chúa Trịnh Kiểm. Tấm bia mang đậm phong cách cung đình, với dấu ấn, họa tiết hoa văn đặc trưng hình rồng, phượng thay vì các họa tiết dân gian như một số bia ký cùng niên đại. Điều này đã gián tiếp truyền tải thông điệp về sự xác lập quyền lực dưới góc độ kiến trúc thượng tầng ứng với lời sấm “phi đế phi bá, quyền khuynh thiên hạ” của gia tộc chúa Trịnh bên cạnh hoàng quyền vua Lê.

Đại vương tảo miếu ký và một số tư liệu hữu quan đã góp phần bổ khuyết vào hệ thống tư liệu gốc những giữ liệu quý về một số nhân vật lịch sử thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI. Đó là thông tin về Đại Vương tảo, người vợ chính danh của chúa Trịnh Kiểm; gia tộc Lê Công “hương Lam Sơn”, dòng họ lập nhiều công lao trong sự nghiệp bình Ngô, xây dựng triều đại Lê sơ và có nhiều đóng góp cho ngọn cờ “phù Lê”, góp phần tái lập vương triều Lê sau này. Thông tin từ nội dung *Đại Vương tảo miếu ký* cũng đã góp phần bổ sung vào cây phả hệ gia đình

chúa Trịnh Kiểm danh phận người vợ chính thức của Minh Khang Thái Vương và những người con của ông với Đại vương tảo.

Nội dung tấm bia *Đại Vương tảo miếu ký* còn góp phần bổ khuyết, đính chính một số nội dung trong tác phẩm *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn liên quan đến gia tộc Lê Công đất An Lạc thuộc vùng Lam Sơn hương và dòng họ Trung Túc vương Lê Lai. *Đại Vương tảo miếu ký* hàm chứa những thông tin sử liệu gốc thể hiện độ tin cậy, đảm bảo tính xác thực, vì vậy, có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu, góp phần khoả lấp một phần nhỏ những khoảng trống trong nghiên cứu về thời kì Lê Trung Hưng.

Tài liệu trích dẫn

- Đinh Khắc Thuân, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Kim Mãng. 2016. *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa, tập III. Văn bia thời Lê Trung Hưng. Quyển một*. Thanh Hóa: Nhà xuất bản Thanh Hóa.
- Hoàng Xuân Hãn. 1966. *Gốc tích các chúa Trịnh và một bức thư Nôm của Trịnh Kiểm (Tập san Sử - Địa số 4)*. Sài Gòn: Nhà xuất bản Khai trí bảo trợ.
- Lê Quý Đôn. 2007. *Đại Việt thông sử* (Dịch: Ngô Thế Long; Hiệu đính: Văn Tân). Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê. 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư, tập III* (Dịch và chú thích: Hoàng Văn Lâu, Ngô Thế Long; Hiệu đính: Giáo sư Hà Văn Tấn). Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê. 2004. *Đại Việt sử ký toàn thư, tập III* (Dịch và chú thích: Hoàng Văn Lâu, Ngô Thế Long; Hiệu đính: Giáo sư Hà Văn Tấn). Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Kim Mãng, Nguyễn Văn Hải. 2020. *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa, tập III. Văn bia thời Lê Trung Hưng. Quyển hai* (Hiệu đính: GS.TS Đinh Khắc Thuân, TS. Phạm Văn Tuấn). Thanh Hóa: Nhà xuất bản Thanh Hóa.

Phạm Đình Hải. 2012. *Nghiên cứu văn bản gia phả chúa Trịnh*. Luận văn Thạc sĩ Hán Nôm. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phan Huy Chú. 2007. *Lịch triều hiến chương loại chí, tập 1*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

Viện Nghiên cứu Hán Nôm. 1942. *Xã chí tổng Quảng An, phủ Thọ Xuân*. Ký hiệu: AJ15/3, bản viết tay.

Viện Nghiên cứu Hán Nôm: Thác bản văn bia Đại vương tần miếu kỷ. Ký hiệu: No.1894.